

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tác

Bà Lục Thị Xinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2024 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST - HNGĐ ngày 22/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T; sinh năm 1991; Trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Hà Văn N; sinh năm 1985; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân. Việc kết hôn có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khi chị T sinh cháu Hà

Khánh L được hai tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do anh N không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con. Hai bên luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị T đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến từ tháng 6 năm 2023 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang sinh sống cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T và anh Nhậ có 02 con chung tên là Hà Thị D, sinh ngày 03/9/2016 và Hà Khánh L, sinh ngày 17/5/2023. Hiện nay cả hai con chung đang sinh sống với chị T tại xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, trong đơn vẫn giữ nguyên quan điểm về những vấn đề của vụ án giống như lời khai trong quá trình tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Hà Văn N nhưng anh N không đến Tòa án làm việc và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hà Văn N; về con chung: giao các con chung tên là Hà Thị D, sinh ngày 03/9/2016 và Hà Khánh L, sinh ngày 17/5/2023 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu

anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; về tài sản chung, công nợ chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Hà Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 28 tháng 3 năm 2025 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt, niêm yết theo quy định. Ngày 22 tháng 4 năm 2025 mở phiên tòa nhưng do bị đơn anh Hà Văn N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa. Ngày 09/5/2025 Tòa án mở lại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt còn bị đơn anh Hà Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của chị Hoàng Thị T và đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hà Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 15/12/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Chị T xác định có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị T xác định quá trình chung sống giữa chị và anh Hà Văn N xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con dẫn đến việc vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị T xác định quan hệ vợ

chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và kiên quyết xin được ly hôn. Anh N được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương nơi chị T và anh N chung sống, thấy rằng anh N đã đi khỏi địa phương làm ăn từ lâu, rất ít khi về thăm vợ con. Tòa án triệu tập chị T và anh N đến Tòa án để hòa giải nhằm mục đích cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N không đến tham gia phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh N không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị T và anh Nhập có 02 con chung tên là Hà Thị D, sinh ngày 03/9/2016 và Hà Khánh L, sinh ngày 17/5/2023. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con của chị T là chính đáng. Hiện nay các con chung đang sinh sống và học tập ổn định ở tại xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Còn anh N đang đi làm ăn xa ít khi về nhà, xem xét điều kiện nuôi con của các bên thì thấy rằng việc giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sẽ đảm bảo điều kiện mọi mặt phát triển tốt nhất cho con chung. Do đó, giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hà Văn N.

2. Về con chung: Giao các con chung tên là Hà Thị D, sinh ngày 03/9/2016 và Hà Khánh L, sinh ngày 17/5/2023 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu anh Hà Văn N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Hà Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003360 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn